

PHƯƠNG ÁN

**Phòng chống thiên tai toàn tuyến tuyến đê: Sông Hoạt
- Sông Tam Điệp - Triết Giang, thị xã Bỉm Sơn năm 2019**

Phần thứ nhất

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHUNG

Thị xã Bỉm Sơn có vị trí địa lý nằm ở phía Bắc của tỉnh Thanh Hóa:

- Phía Đông giáp huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; giáp xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, Thanh Hóa;

- Phía Tây giáp xã Hà Bắc - Hà Long huyện Hà Trung.

- Phía Nam giáp xã Hà Thanh - Hà Vân - Hà Dương huyện Hà Trung.

- Phía Bắc giáp Thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Bỉm Sơn là vùng đất thấp dần từ Tây sang Đông. Diện tích không rộng nhưng vừa có vùng núi đá, vùng đồi, vùng đồng bằng và sông suối. Vùng núi đồi có diện tích 5.147 ha, chiếm 76,3%; vùng đồng bằng có diện tích 1.534 ha, chiếm 23,7%; dân số gần 60.000 người.

Có 2 hệ thống sông chảy qua địa bàn Thị xã :

- Hệ thống sông Tam Điệp.

- Hệ thống sông Hoạt.

Trên địa bàn Thị xã Bỉm Sơn có 3 hệ thống đê chính:

Đê Thổ Khối (Tả Sông Hoạt) từ Quốc lộ 1A đến giáp Hà Dương: Dài 555m.

Hệ thống đê Tam Điệp: Từ K0÷K7+300 từ Quốc lộ 1A đến giáp Hà Vinh dài 7300m.

Hệ thống đê Triết Giang (Tả Sông Hoạt): Đầu tuyến giáp Hà Thanh, cuối tuyến giáp Hà Vinh dài 640m.

Các tuyến đê đi qua phía đông là ao hồ ruộng, thung đào thung dậu. Địa chất thân đê và nền đê pha lẫn nhiều tạp chất, trên tuyến đê này có một số đoạn đê sát sông đã sảy ra sạt lở K2÷K2+100 khe Ra Rả và K5+200÷K5+580 (trên đê Tam Điệp).

Trên toàn tuyến có 10 cống dưới đê (Trong đó có 2 cống đã hoành triệt tậm, 8 cống còn lại hoạt động bình thường).

Phần thứ hai
PHƯƠNG ÁN HỘ ĐÊ

I. ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA HỆ THỐNG ĐÊ.

1. Tuyến đê Thổ Khối (Đê Tả sông Hoạt): Xã Quang Trung

Tuyến đê này có chiều dài 555m, phía ngoài đê là bãi và có một số đoạn đê sát sông, phía đồng là ao hồ ruộng trũng. Mùa lũ năm 1996 khi mực nước lũ lên cao mặt thoáng lòng sông rộng, áp lực nước lớn gây rò rỉ thấm lậu nhiều và đã gây ra vỡ đê tại K0+470÷ K0+517 với chiều dài 47m và xói sâu đáy hồ tới $\nabla(-3,39)$.

Năm 1997 tuyến đê này đã được đắp tôn cao áp trực về phía đồng bằng đất núi, đến mùa lũ năm 1997 khi MNL lên tới $\nabla(+3,80)$ kèm theo mưa lớn kéo dài đã xuất hiện hiện tượng sạt sâu vào mái đê phía đồng và đã được xử lý khẩn cấp trong lụt. Năm 2006 đoạn này đã được đắp cơ phía đồng, chiều rộng mặt cơ =2,5m, cao trình đỉnh cơ (+2,50), mái 2/1. Năm 2011 đoạn đê này đã được đã được đắp hoàn thiện mặt cắt và cứng hoá mặt đê bằng bê tông, mặt bê tông rộng 4m, dày 0,2m lề mỗi bên 0,5m, chiều dài cứng hoá 742m.

Trận lũ tháng 10/2017 khi mực nước lũ vượt quá lũ lịch sử nhiều đoạn đê xấp xỉ tràn, Quốc lộ 1A đoạn từ Hà Bình đến Thị xã Bim Sơn tràn 30 – 50 cm gây ách tắc giao thông, khó khăn trong việc xử lý sự cố đê trong lũ.

Về cao trình chống lũ so với cao độ MNTK và cao trình đỉnh đê TK theo quy hoạch phòng chống lũ, cao trình đỉnh đê hiện tại còn thấp 0.56 m.

Trên tuyến đê này có 02 cống:

- **Cống Hồ Sen:** Tại K14+650m Kích thước (bxxh) = (0,8x0,8x10,0);

∇ đỉnh cống: (+3,00); ∇ đáy cống (+2,20). Hiện tại cống bị hỏng ổ khoá, cánh cửa và lùg mang đã hoành triệt tạm trong mùa lũ năm 1997.

- **Cống Thổ Khối:** Tại K14+995 xây dựng năm 1991. Kích thước (bxxh) = (1x1,45 x 20,56); ∇ đỉnh cống: (+0,45); ∇ đáy cống: (-1,0). Hiện tại cống bị lùg đáy, hỏng roăng cửa, cao trình đáy cống thấp gây bồi lắng, hiệu quả sử dụng kém. Năm 2007 cửa phía sông đã được hoành triệt tạm bằng bao tải đất, cửa phía đồng đã bị lấp bịt.

2. Tuyến đê Tam Điệp thuộc Phường Phú Sơn, xã Quang Trung và xã Hà Lan:

Tuyến đê này có chiều dài 7.300m từ chợ Bim Sơn đến giáp xã Hà Vinh, đây là tuyến đê được đắp năm 1976 và 1977, đê sát sông, phía đồng là ao hồ ruộng trũng, mùa lũ năm 1996 khi mực nước lũ lên cao, trên toàn tuyến có nhiều đoạn đê xấp xỉ tràn, tại K2+900÷K3 sạt sâu vào 1/2 mái đê phía đồng.

Năm 1996 tuyến đê này được đắp khắc phục từ K5+200÷K6+200, từ năm 1998 đến năm 2001 toàn tuyến đã được đắp tôn cao áp trực gia cơ về phía đồng, (còn lại đoạn từ K5+250÷K6+00, mặt đê hiện tại chỉ rộng từ 3÷3,5m, mái sông

từ 1÷1,5). Nhưng do dòng chủ lưu từ khe Ra Rả chảy ra thúc thẳng vào bờ, và do địa chất thân đê rời rạc pha lẫn tạp chất, chân đê bị xói ngầm nên đã gây sạt trượt mái đê phía sông Tại K2÷K2+100 sạt sâu vào mái đê 1,5÷2m, khoảng cách từ cao trình đỉnh đê tới cao trình đỉnh cung sạt từ 1÷1,2m. UBND thị xã Bim Sơn đã xử lý ngay bằng rọ đá để giữ chân khối sạt.

Tại vị trí K5+200÷K5+580 năm 2000 đã xuất hiện sạt mái đê, đến năm 2002 tiếp tục sạt sâu vào mái đê và lở đứng thành, nơi sâu nhất sâu vào mái đê 2m. Vị trí cung sạt cách mặt đê 2,5m, khoảng cách từ đỉnh cung sạt đến đỉnh đê là 1,5m. Năm 2005 đoạn đê này đã được đắp gia cơ phía sông và hoàn thiện lại mái đê chiều dài 410m, Bco=4.0m, mái đê và mái cơ 2/1. Chân đê phía đồng là ruộng trũng, hiện tại chưa được đắp cơ.

Do đê đắp bằng thủ công, sau được tôn cao mở rộng bằng đất núi, sát chân đê là ao hồ, thung đào thung sâu nên khi mực nước sông lớn xuất hiện rò rỉ, thấm lậu ở mái và chân đê và sủi ở ao hồ phía đồng tại các vị trí K1 ÷ K1+200; K2÷K2+250; K6+400÷K6+700. Năm 2004 tại K3+800 xuất hiện hố sụt giữa mặt đê có đường kính = 15cm, sâu 0,8m. UBND thị xã đã đào đắp đảm trì trở lại, đây là các vị trí cần lưu ý trong mùa lũ năm 2019.

Trên hệ thống đê này có 6 cống:

- **Cống T1:** Tại K0+660 được xây dựng mới năm 2007. Kích thước: (b x h x l): (1,1x1,3x19,68)m; ∇ đỉnh cống: (+2,86); ∇ đáy cống: (+1,56). Kết cấu bằng Bê tông cốt thép. Hiện tại cống sử dụng bình thường.

- **Cống Trạm bơm Phú Dương :** Tại K1+300 xây dựng năm 1982. Kích thước: (b x h x l) : (1,5x1,8 x8,5)m; ∇ đỉnh cống: (+4,52); ∇ đáy cống: (+2,72) , Hiện tại cống sử dụng bình thường riêng phần đá lát phía sông bị bong lổc 6m².

- **Cống T3:** Tại K2+196. Xây dựng năm 2007. Kích thước: (b x h x l): (1,0 x1,2x20.8)m; ∇ đỉnh cống: (+2,2); ∇ đáy cống: (+1,0), kết cấu bằng Bê tông cốt thép. Hiện tại cống sử dụng bình thường.

- **Cống T5:** Tại K3+734 xây dựng năm 1994. Kích thước: (b x h x l): (1x1,2x16)m; ∇ đỉnh cống: (+2,17); ∇đáy cống: (+0,97). Hiện tại cống sử dụng bình thường, riêng bê tông dàn đóng mở bị sứt, đáy cống tiếp giáp với cánh cửa bị khuyết đóng không kín nước. Năm 2008 cống được đầu tư làm mới trên vị trí cống cũ. Kích thước (b x h x l) = (1,0x1,2x20,0)m, ∇ đỉnh cống: (+2,69); ∇đáy cống: (+1,49) ở khóa V3, kết cấu Bê tông cốt thép. Hiện tại cống sử dụng bình thường.

- **Cống trạm bơm Đoàn Thôn:** Tại K5+100, Năm XD 1990; Kích thước: (b x h x l): (1,5x1,6 x11,1)m, ∇ đỉnh cống: (+4,4); ∇ đáy cống: (+2,8), kết cấu bằng Bê tông cốt thép, ở khóa V5. Hiện tại cống sử dụng bình thường, riêng phần đá lát bờ kênh phía sông bị lổc lở 2m².

- **Cổng T9:** Tại K6. Xây dựng năm 1983 Kích thước: (bxxhxl): (0,5x 0,7x17)m; ▽ đỉnh cổng: (+2,07); ▽ đáy cổng: (+1,37). Hiện tại cổng ngăn, khẩu diện nhỏ, cửa cổng hở, cổng bị lũng mang, đá lát bờ kênh phía đồng bị sụt 0,6 m². Năm 2008 cổng được đầu tư làm mới trên vị trí cổng cũ. Kích thước (bxxhxl) = (1,0x1,2x16,0)m, ▽ đỉnh cổng: (+2,79); ▽ đáy cổng: (+1,59) ổ khóa V3, kết cấu Bê tông cốt thép. Hiện tại cổng sử dụng bình thường.

- **Cổng trạm bơm Tam Đa:** Tại K6+550, Năm XD 1990 Kích thước: (bxxh xl): (1,4x1,4 x 7,0)m; ▽ đỉnh cổng: (+4,4); ▽ đáy cổng: (3,0). Hiện tại cổng nứt rộng 1cm từ đỉnh đến đáy tường cánh phía sông.

3. Tuyến đê Triết Giang(Tả sông Hoạt xã Hà Lan):

Tuyến đê này dài 640m đầu tuyến giáp Hà Thanh, cuối tuyến giáp Hà Vinh. Năm 1997 đã được đắp 74m từ giáp Hà Thanh đến cổng Triết Giang, mặt đê rộng 4m, cao trình đỉnh đê (+4,5); B cơ: 4m. Còn lại 556m mặt cắt đê thấp nhỏ, chưa đủ mặt cắt thiết kế, chiều cao còn thiếu 0,6 m, hiện tượng thấm thấu ở mái đê phía đồng vẫn thường xuyên xảy ra trong mùa lũ. Năm 2008 toàn tuyến đê này đã được đắp mặt đê rộng 4.0m, mái đê 2/1, cao trình đỉnh đê + 4.3.

- Trận lũ tháng 10/2017 khi mực nước lũ vượt quá lũ lịch sử đoạn đê này đã tràn từ 10-20 cm, UBND Thị xã Bím Sơn đã huy động vật tư, nhân lực xử lý chống tràn.

- Năm 2018 tuyến đê này đã được đắp hoàn thiện mặt cắt, cứng hóa mặt đê, mặt đê rộng 5m, cao trình đỉnh đê TK 4.50, cao trình đỉnh đê đạt theo quy hoạch phòng chống lũ.

Trên tuyến đê này có 1 cổng:

Cổng Triết Giang: Tại K26+115. Xây dựng năm 1991. Kích thước: (bxxh xl): (2,4 x1,8 x12)m; ▽ đỉnh cổng: (+0,70); ▽ đáy cổng: (-1,10). Hiện tại roãng cao su cánh cửa cổng bị hư hỏng, cổng bị rò rỉ đóng không kín nước, lan can cầu công tác bị hỏng đã xây gạch bao xung quanh, đá lát sân thượng lưu bị lốc lổ, đá lát bảo vệ bờ kênh thượng hạ lưu bị lún nứt. Năm 2015 thay ổ khóa vận hành bằng điện VD7.

Nhận định khả năng xảy ra sự cố trong mùa mưa lũ năm 2019:

Từ những diễn biến hư hỏng, đặc điểm địa hình và vị trí địa lý của tuyến đê như đã nêu ở trên mùa lũ năm 2019 khi mực nước lũ lớn trên tuyến đê này có thể xảy ra những diễn biến sự cố hư hỏng như sau:

- Khi mực nước lũ trên BĐII có thể xảy ra rò rỉ, thấm lậu đoạn từ K2÷K2+250 đê Tam Điệp; đoạn từ K14+500 ÷ K15+055, K25+715 ÷ K26+355 đê Tả sông Hoạt.

- Khi mực nước lũ trên BĐII có thể xảy ra sạt trượt mái đê phía đồng do thấm, mái và chân đê phía sông do dòng chảy ở những vị trí sau: K14+600 ÷ K14+900 đê Tả sông Hoạt; K2 ÷ K2+100, K5+200÷K5+580 đê Tam Điệp.

- Khi lũ trên BĐII có thể xảy ra sự cố kênh hở cánh cửa, lòng mang, sạt mang cống như: cống Triết Giang, cống Thổ Khối, cống Hồ Sen.

- Khi mực nước lũ trên BĐII có thể xuất hiện mạch sủi, bãi sủi ở hồ phía đông trên tuyến đê Tam Điệp đoạn từ K1÷K1+200; K2÷K2+250; K6+400÷K6+700.

- Tràn đê sông Tam Điệp, đê Tả sông Hoạt khi MNL vượt lũ thiết kế.

- Khi mực nước lũ trên BĐII mái đê phía sông đê Tam điệp có thể bị sạt lở do dòng chảy tại K2÷K2+100.

III. TỔNG HỢP CÁC LOẠI SỰ CÓ CÓ THỂ XẢY RA

- Rò rỉ, thấm lậu mái đê phía đông do thấm.

- Sạt trượt mái đê phía đông do thấm.

- Sạt trượt mái đê phía sông do dòng chảy.

- Mạch sủi, bãi sủi ở hồ phía đông.

- Kênh hở cánh cửa cống, rò, lòng mang cống.

- Nước tràn qua đê khi mực nước vượt mức lũ lịch sử.

IV. CÁC BIỆN PHÁP KỸ THUẬT XỬ LÝ.

1. Thấm lậu ướt sũng mái đê phía đông do thấm:

*** Biện pháp:**

- Đào rãnh tập trung nước giữ cho khô mái đê phía đông.

- Làm lọc để không cho đất cát trôi theo ra ngoài.

* **Cách làm:** Đào rãnh chữ Y hoặc chữ T ở mái đê phía đông, chiều sâu của rãnh 0,5m. Rãnh có mặt cắt hình thang, mặt trên rãnh rộng 0,4m, đáy rãnh rộng 0,3m. Trong rãnh bỏ các lớp vật liệu lọc theo thứ tự từ dưới lên: Như cát, sỏi, đá dăm mỗi lớp dày 15cm. Hoặc dùng bó cành cây không còn lá, đường kính từ 15÷25cm, ở phía ngoài quấn rơm rạ dày từ 5÷10cm bó chặt đặt xuống đáy rãnh sau đó dùng gạch vỡ chèn lên trên. Khai rãnh đến đâu đặt vật liệu lọc đến đó, khoảng cách từ 3÷4m đối với rãnh chữ Y, và từ 4÷6m đối với rãnh chữ T. Khi nước chảy ra trong là được.

2. Sạt trượt mái đê phía đông do thấm:

*** Biện pháp xử lý:**

- Thoát nước giữ cho đất khô, làm cho khối sạt ổn định.

- Cắm cừ đập cơ phản áp giữ chân khối sạt.

*** Cách làm :**

Khi vết nứt nhỏ, đáy vết nứt có vết đọng nước thì đào rãnh tập trung nước, đào rãnh sâu 0,2÷0,3m đáy rộng 0,2m dọc theo chân đê, cách từ 6÷12m làm rãnh ngang để tập trung nước và dẫn nước ra xa ngoài chân đê, trong rãnh ngang và rãnh dọc bỏ đá dăm, gạch vỡ để thoát nước. Chỗ tiếp giáp giữa rãnh dọc và rãnh ngang bỏ các lớp vật liệu lọc như đá sỏi để giữ đất không bị xói trôi ra ngoài.

Khi vết nứt phát triển lớn hơn, nước thấm mạnh làm mái đê bị ướt sũng thì đào dọc theo vết nứt một rãnh rộng từ 0,2÷0,3m, sâu hơn mực nước đọng trong rãnh từ 0,1÷0,2m, trong rãnh bỏ các lớp vật liệu lọc như đã nêu ở trên, đào rãnh đến đâu bỏ vật liệu lọc đến đó. Sau đó đào một rãnh nhỏ để dẫn nước ra xa ngoài chân đê.

Đồng thời với việc làm rãnh thoát nước, cấm cừ đắp cơ phản áp để giữ chân khối sạt, nên đắp cơ ở chỗ đất trôi lên, nếu không có hiện tượng trôi đất thì đắp sát chân và áp vào mái đê bằng loại đất dễ thoát nước, nếu không có loại đất dễ thoát nước thì rải một lớp rong rêu hay bó cành cây dày 0,2 m, sau đó cứ đắp đất cao 0,8÷1,0m rồi lại làm một lớp như trên, cơ đắp theo kích thước cao từ 1,5÷2,0m, mặt rộng từ 2,0÷4,0m, mái cơ 2/1. Dài về 2 phía mỗi bên 5÷10m. Nếu cừ sạt có nguy cơ sạt vào mặt đê và đang có diễn biến sạt lở tiếp nếu điều kiện cho phép phải khẩn trương cấm cừ đắp mở rộng mặt đê về phía sông bằng phần mặt đê bị sạt, dài về 2 phía mỗi bên 5÷10m.

3. Sạt trượt mái đê phía sông do dòng chảy:

*** Biện pháp:**

- Tạo kè mềm láis dòng để làm giảm lưu tốc dòng chảy.
- Gia cố ổn định chân đê;
- Bạt bớt mái dốc đê phòng sạt tiếp.
- Giữ đủ mặt cắt thiết kế và chiều cao gia cường.

*** Cách làm:**

Dùng cụm cành cây, rọ đá để tạo kè mềm láis dòng, mỗi cụm từ 2÷3 cành tre tươi còn nguyên cành lá, cành cao từ 3÷4m đeo rọ hoặc bao tải đá nặng từ 0,2÷0,5m³. Dùng dây thép neo chặt vào gốc sau đó dùng bè mảng tiến hành thả từng cụm dọc theo chân đê nơi bị sạt lở, cứ 4÷5m thả một cụm (Chú ý thả theo hình hoa mai). Phía hạ lưu thả trước, phía thượng lưu thả sau, nơi gần bờ thả trước, nơi xa bờ thả sau. Chỗ nước xoáy mạnh, xói sâu thả trước, chỗ xói ít thả sau.

Đồng thời với việc thả cụm cây rọ đá, dùng rỗng đá hoặc bao tải đất đá ném xuống để củng cố chân. Đường kính rỗng đá là 0,6m, dài 6m (rỗng đá bằng phen tre nửa và các nẹp tre, ở trong bỏ đá hộc, bó chặt lại bằng dây thép, cứ 0,5m buộc một mối) sau đó tiến hành thả dọc theo chân đê nơi bị sạt lở để giữ chân khối sạt, ở những nơi bị sạt mà mái đê quá dốc ta có thể bạt nhẹ mái đê để phòng sạt tiếp. Khi khối sạt quá lớn có nguy cơ sạt vào mặt đê thì phải khẩn trương đắp áp trực ngay về phía đồng bằng bao tải đất hoặc đất trả lại đủ mặt cắt đê đã sạt. Chiều dài đắp mở rộng dài hơn đoạn sạt về mỗi bên 10m mái 2:1, chiều cao cao hơn mực nước lũ là 1m.

4. Mạch sủi, bãi sủi xuất hiện ở hồ phía đồng:

*** Biện pháp:**

- Giảm áp lực cột nước;
- Cho nước thoát ra dễ dàng.
- Không cho đất cát trôi theo ra ngoài .

*** Cách làm:**

+ *Đối với mạch sỏi:* Làm giếng lọc nâng cao mực nước trong giếng để làm giảm áp lực cột nước, quây lỗ sỏi bằng 2 lớp phên nứa hoặc phên tre, ở giữa 2 lớp đắp đất sét luyện nện chặt. Chiều cao của bờ sỏi phải đủ cao để nước đùn lên yếu, bán kính của vòng trong cách tâm lỗ sỏi 0,5m, vòng trong cách vòng ngoài 0,3m. Sau đó theo thứ tự từ dưới lên đặt các lớp vật liệu lọc như cát, sỏi, đá dăm mỗi lớp dày 0,2÷0,3m. Nếu nước đùn lên mạnh thì trước khi làm lọc thì bỏ một lớp gạch vỡ hoặc đá dăm vào trong giếng để phân tán và giảm lưu tốc dòng chảy, khi nước trong chảy ra ngoài là được, dùng máng dẫn nước ra xa ngoài chân đê.

+ *Đối với bãi sỏi:* Dùng phên nứa kẹp rom rạ dày từ 5÷10cm kẹp chặt đặt xuống bãi sỏi, sau đó đặt bao tải cát hoặc đá hộc đè lên cho phên chìm xuống sát bãi sỏi, theo dõi thấy nước trong là được. Nếu quanh khu vực bãi sỏi có bờ bao ta có thể đắp tôn cao bờ bao để nâng cao mực nước phía đồng làm giảm áp lực cột nước.

5. Nước rò rỉ qua cửa, kênh hở cửa và thấm qua mang cống:

- Khi nước rò rỉ qua cánh cửa cống dùng giẻ rách, bao tải, rom rạ nhét bịt lại.
- Khi cánh cửa bị kênh, đóng không kín nước, ta phải đóng phai phía đồng để nâng cao mực nước phía sau cống để làm giảm chênh lệch cột nước, dùng sào thả các bó rom rạ xuống khe hở. Sau đó thả một số bao tải đất sát cửa cống để bịt tắc dòng chảy.
- Khi nước rò thấm qua mang cống ta nên lấp bịt cửa phía sông bằng đất tốt hay bao tải đất đắp lượn theo tường cánh gà, cao hơn MN phía sông từ 0,5÷1,0m, chiều dày đủ bịt tắc dòng chảy.

- Khi nước đục rỉ rịn ra phía đồng, ta tiến hành làm lọc như đã nêu ở phần trên.

6. Xử lý tràn đê:

6.1. *Đắp con chạch bằng đất:* Khi MN lũ còn cách mặt đê 0,5m mà nước đang dâng lên thì phải đắp con chạch với kích thước tối thiểu như sau:

Mép ngoài của chân con chạch trùng với mép đê phía sông, không nên đắp lùi về phía đồng vì khi nước lên mái đê nếu bị ngập nước sẽ làm cho toàn bộ thân đê ướt sũng. Kích thước con chạch: Mặt chạch rộng (0,7÷1,0)m; mái xoắn 1/1, chiều cao đảm bảo cao hơn MN dự báo (0,5÷1,0)m.

6.2. *Con chạch bằng bao tải đất:* Khi MN lũ còn cách mặt đê 0,3m hoặc xấp xỉ tràn có thể dùng bao tải đựng đất để đắp con chạch (Đất cho vào 2/3 bao sau đó buộc ở đầu miệng bao), các bao được xếp sát nhau theo từng lớp cách

mép đê phía sông (0,5÷0,6)m, miệng bao xếp quay về phía đồng, ở đáy xếp 3÷4 hàng, lớp thứ hai xếp so le với lớp trước lùi vào một ít để có độ dốc nhất định, chiều rộng con chạch bằng chiều rộng con chạch bằng đất đã nói ở trên. Để tiết kiệm có thể chỉ xếp một hàng phía sông rồi phía sau đắp đất, xếp bao tải cao đến đâu đắp đến đó.

Khi xử lý chống tràn đê ưu tiên chỗ thấp đắp trước, đắp theo chiều dài sau đó đắp mở rộng mặt cắt.

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN, TRUYỀN TIN, CHỈ ĐẠO CHỈ HUY ỨNG PHÓ VỚI CÁC TÌNH HUỐNG THIÊN TAI

A. TÌNH HUỐNG VÀ CÁC CẤP ĐỘ RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA.

I. TÌNH HUỐNG 1: Bão, siêu bão; áp thấp, mưa lớn, lũ lụt xảy ra trên địa bàn thị xã:

Tình huống 1 có thể xảy ra ở các cấp độ rủi ro sau:

1. Đối với bão có thể xảy ra từ cấp độ rủi ro 3 đến cấp độ rủi ro 5:

1.1. *Cấp độ rủi ro 3*: Áp thấp nhiệt đới, bão mạnh đến cấp 10, 11 đổ bộ vào địa bàn thị xã và vùng giáp ranh;

1.2. *Cấp độ rủi ro 4*: Bão rất mạnh cấp 12 đến cấp 15 đổ bộ vào địa bàn thị xã và vùng giáp ranh;

1.3. *Cấp độ rủi ro 5*: Siêu bão cấp 16 đổ bộ vào địa bàn thị xã và vùng giáp ranh.

2. Đối với lũ lụt có thể xảy ra trên sông Lèn, sông Mã từ cấp độ rủi ro 1 đến 5.

2.1. *Lũ cấp độ rủi ro 1*:

- Lũ sông Lèn tại cầu Lèn: BĐII đến BĐIII: +5,0 ÷ 6,0;

- Lũ sông Hoạt tại cầu Cừ: Trên BĐIII: >+3,00;

- Lũ tại sông Tam Điệp tại cầu Hà Lan: Trên BĐIII: >+4,00;

2.2. *Lũ cấp độ rủi ro 2*:

- Lũ sông Lèn tại cầu Lèn: Trên BĐIII: >+6,00;

- Lũ sông Hoạt tại cầu Cừ: Trên BĐIII đến ≈ lũ lịch sử: ≈+4,00;

- Lũ tại sông Tam Điệp tại cầu Hà Lan: Trên BĐIII đến ≈ lũ lịch sử: ≈+5,00;

2.3. *Lũ cấp độ rủi ro 3*:

- Lũ sông Lèn tại cầu Lèn ~ lũ lịch sử: ≈+6,95;

- Lũ sông Hoạt tại cầu Cừ: Trên lũ lịch sử: >+4,00;

- Lũ tại sông Tam Điệp tại cầu Hà Lan: Trên lũ lịch sử : >+5,00;

2.4. *Lũ cấp độ rủi ro 4*: Lũ sông Lèn tại cầu Lèn > lũ lịch sử: >+6,95.

2.5. *Lũ cấp độ rủi ro 5*: Lũ sông Lèn đang ở mức cấp độ rủi ro 3, 4 mà kết hợp có tác động tổ hợp với các thiên tai khác như kết hợp có bão áp thấp nhiệt đới ở cấp thấp hơn hoặc khi có sự cố bão áp thấp kết hợp sự cố vỡ hồ đập ở thượng lưu sông Mã, sông Chu.

3. Đối với mưa lớn gây ngập úng: Có 3 cấp độ rủi ro từ cấp 1 đến cấp 3.

- Cấp độ rủi ro 1: Trong 24h mưa từ 200 – 500ly kéo dài từ 1 đến 2 ngày.

- Cấp độ rủi ro 2: Trong 24h mưa trên 500ly kéo dài từ 1 đến 2 ngày.

- Cấp độ rủi ro 3: Trong 24h mưa trên 200 – 500ly kéo dài 2 đến 4 ngày.

II. TÌNH HUỐNG 2: Sự cố vỡ đê, hồ, đập.

1. Sự cố vỡ đê: Khi lũ lớn xảy ra sự cố công trình đê điều gây tràn, vỡ đê Tả sông Lèn, vỡ đê Tả sông Hoạt, đê Tam Điệp (độ ngập 1,5m - 3m ứng với cấp độ rủi ro 3,4: mưa lũ sông Lèn, sông Hoạt, Tam Điệp lớn hơn báo động 3 hoặc lớn hơn lũ lịch sử)

2. Sự cố vỡ hồ đập: Khi mưa lũ lớn gây sự cố vỡ hồ, đập: Hồ cánh chim

III. TÌNH HUỐNG 3: Hạn hán, xâm nhập mặn.

Hạn hán, xâm nhập mặn cấp độ rủi ro 1, 2 (tương đương độ mặn 4‰ xâm nhập mặn vào sâu 25 - 50Km từ cửa sông, lượng nước ngọt thiếu hụt dưới hoặc trên 40 % trung bình nhiều năm.

B. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ CÁC TÌNH HUỐNG.

I. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ TÌNH HUỐNG 1: Áp thấp, bão, siêu bão, lũ lụt, mưa lớn:

1. Công tác truyền tin: UBND thị xã, Ban chỉ huy PCTT &TKCN thị xã tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai từ UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT &TKCN Tỉnh. Chỉ đạo đài phát thanh thị xã, các xã, phường thực hiện truyền tin về thiên tai có liên quan và ảnh hưởng đến địa phương, tuyên truyền đến các cơ quan doanh nghiệp, cộng đồng dân cư để chủ động phòng ngừa, ứng phó.

Trong tình huống khẩn cấp có thể truyền tin qua loa cầm tay, xe loa tuyên truyền cơ động, qua hệ thống điện thoại, máy fax, vi tính mạng và tăng thời lượng phát tin chỉ đạo ứng phó, phát 3 tin liên tục mỗi tin cách nhau 5 phút sau đó cứ 20 đến 30 phút phát lại cho đến khi có chỉ đạo mới.

2. Công tác chỉ đạo chỉ huy ứng phó thiên tai:

2.1. Chủ tịch UBND thị xã là tổng chỉ huy PCTT & TKCN trên địa bàn, căn cứ vào dự báo cảnh báo thiên tai và chỉ đạo của Ban chỉ huy PCTT &TKCN cấp tỉnh chỉ đạo công tác ứng phó trên địa bàn bằng các công văn, công điện. Trong tình huống khẩn cấp triệu tập cuộc họp Ban chỉ huy PCTT &TKCN để triển khai biện pháp ứng phó kịp thời trên địa bàn, ứng cứu cho các địa phương khác. Có trách nhiệm phối hợp và thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của cơ quan PCTT cấp trên theo cấp độ rủi ro từ cấp 2,3,4,5. Chỉ đạo hỗ trợ công tác ứng phó thiên tai ở cấp

độ 1 đối với trường hợp ảnh hưởng từ 2 xã phường trở lên hoặc khi có đề nghị trợ giúp của UBND xã, phường.

2.2. Nhiệm vụ phối hợp chỉ huy, chỉ đạo ứng phó của các cơ quan ban ngành, địa phương:

- Ban chỉ huy PCTT &TKCN thị xã, văn phòng ban chỉ huy PCTT &TKCN thị xã phân công nhiệm vụ, địa bàn cụ thể cho các thành viên, kiểm tra đôn đốc chỉ đạo các cơ quan đơn vị, các xã phường thực hiện phương án ứng phó thiên tai: Tổ chức thường trực theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, mực nước lũ, mưa bão, tiếp nhận và truyền đạt chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên đến cơ sở, tổng hợp tình hình mưa, lũ, bão, sự cố công trình, thiệt hại do thiên tai để báo cáo đề xuất biện pháp xử lý, soạn các công điện, công văn phục vụ chỉ đạo chỉ huy ứng phó thiên tai trên địa bàn.

- Ban chỉ huy quân sự Thị xã: Triển khai thực hiện phương án bảo vệ công trình trọng điểm về đê điều, rà soát, bố trí lực lượng, phương tiện sẵn sàng cứu hộ công trình, sơ tán dân, tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Công an Thị xã: Triển khai kế hoạch bảo vệ công trình trọng điểm về đê điều, kho tàng, công sở, kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, an toàn trên địa bàn, phối hợp cứu hộ cứu nạn khắc phục hậu quả thiên tai.

- Phòng Kinh tế: Làm nhiệm vụ thường trực văn phòng PCTT&TKCN tham mưu cho Ban chỉ huy PCTT&TKCN thị xã ứng phó kịp thời tình huống thiên tai.

- Điện lực Bim Sơn: Triển khai kế hoạch tu sửa quản lý, vận hành an toàn đường dây, máy biến áp, phối hợp với các xã phường phát cây vướng vào đường điện, chỉ đạo cấp điện kịp thời phục vụ PCTT, tiêu úng, chống lũ chống hạn tại các trạm bơm, âu, cống.

- Hạt quản lý đê Hà Trung: Tham mưu thực hiện tuần tra canh gác đê điều theo cấp báo động, hướng dẫn tham mưu biện pháp kỹ thuật xử lý kịp thời các sự cố công trình đê điều.

- Chi nhánh thủy lợi Bim Sơn: Kiểm tra công trình kênh mương, trạm bơm, các cống đầu mối để sẵn sàng vận hành phòng chống lụt bão, hạn hán, chống xâm nhập mặn.

- Phòng Tài nguyên & môi trường: Nắm bắt kịp thời tình hình khí tượng thủy văn để tham mưu cho Ban chỉ huy PCTT & TKCN của thị xã, hướng dẫn các đơn vị cơ quan và nhân dân xử lý, bảo vệ môi trường khi lụt bão xảy ra.

- Phòng Quản lý đô thị: Triển khai kế hoạch đảm bảo giao thông, tham mưu điều động các loại phương tiện hiện có trên địa bàn, phục vụ ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Phòng y tế, Trung tâm y tế dự phòng, Bệnh viện đa khoa Thị xã: Sẵn sàng cơ sở thuốc phòng, các đội cấp cứu cơ động, đội cứu thương phòng dịch, có đầy

đủ dụng cụ thiết yếu, xe cứu thương để tham gia ứng phó thiên tai khi có lệnh.

- Bureau Thị xã, Trung tâm viễn thông thị xã: Triển khai phương án đảm bảo thông tin liên lạc kịp thời, chính xác phục vụ PCTT.

- Phòng Nội vụ, phòng LĐTB&Xã hội, Hội chữ thập đỏ: Triển khai phương án huy động nhân lực ứng phó thiên tai, phương án cứu trợ, hỗ trợ nhân dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bảo lụt ổn định cuộc sống.

- Phòng Tài chính kế hoạch: Đảm bảo kinh phí phục vụ ứng phó với thiên tai, hỗ trợ nhân dân vùng bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai.

- Phòng Giáo dục&ĐT: Chỉ đạo phương án ứng phó với thiên tai trong các trường học, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị, đồ dùng giảng dạy lớp học.

- Phòng Văn hóa- TT, Trung tâm văn hóa thể dục thể thao và Đài truyền thanh TH Thị xã: Tổ chức thực hiện truyền tin diễn biến về bão lũ, thiên tai, công tác khắc phục hậu quả của các cơ quan đơn vị, các công văn công điện chỉ đạo ứng phó khắc phục thiên tai của thị xã và Tỉnh.

- UBND các xã, phường thường trực chỉ huy việc phòng tránh ứng phó khắc phục hậu quả thiên tai, tổng hợp báo cáo tình hình thiệt hại do thiên tai xảy ra trên địa bàn, có biện pháp bảo vệ sản xuất, tiếp nhận quản lý, phân phối tiền hàng cứu trợ khẩn cấp của nhà nước, các tổ chức và cộng đồng đến các đối tượng, khi vượt quá khả năng phải báo cáo Ban chỉ huy PCTT & TKCN thị xã kịp thời.

- Văn phòng HĐND&UBND thị xã: Kiểm tra đôn đốc công tác ứng phó thiên tai trên địa bàn, tổng hợp tình hình báo cáo kịp thời cho lãnh đạo thị xã, UBND Tỉnh.

- Mặt trận Tổ quốc, các Tổ chức đoàn thể chính trị Thị xã: Tuyên truyền vận động nhân dân, hội viên thực hiện kịp thời phương án ứng phó thiên tai và TKCN, sơ tán nhân dân đến nơi an toàn.

3. Các biện pháp cơ bản ứng phó với bão, siêu bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt, mưa lớn xảy ra trên địa bàn;

3.1. Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không đảm bảo an toàn: Công trình yếu có nguy cơ đổ sập, vị trí nhà cửa gần cột điện cao thế, viễn thông, gần các cây lớn có nguy cơ đổ do bão mạnh, siêu bão, các khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ lụt, mưa bão, chú ý các đối tượng dễ tổn thương như người già, trẻ em, phụ nữ mang thai.

** Các khu vực và tình huống phải sơ tán như sau:*

- Khi dự báo cảnh báo mưa lũ lớn xảy ra trên lưu vực sông Tam điệp phải tiến hành sơ tán dân cư khu vực ven dòng chảy sông Tam Điệp(nơi không có đê) lên các vị trí cao tránh ngập lụt.

- Khi lũ sông Hoạt đến mức +2.50 hai âu Báo Văn, Mỹ Quan Trang phải đóng chống lũ mà lưu vực và địa bàn thị xã có mưa lớn kéo dài thì tiến hành sơ

tán dân ngoại đê sông Hoạt, dân vùng trũng thấp phía đông các xã Hà Lan, Quang Trung, phường Phú Sơn, Đông Sơn, Ngọc Trạo, Bắc Sơn, Ba Đình, Lam Sơn vào nội đê và nơi cao để tránh ngập lụt.

- Khi có bão rất mạnh, siêu bão đang phát tin khẩn cấp có khả năng đổ bộ vào địa bàn thị xã và vùng giáp ranh phải tiến hành sơ tán dân tại các khu vực vùng nguy hiểm như: Tại các nhà yếu có nguy cơ đổ sập, các vùng trồng trái ven sông có nguy cơ mất an toàn khu vực ven dòng chảy có nguy cơ có lũ, nhà ven núi có nguy cơ sạt lở đất vào nhà kiên cố, nơi có địa hình cao không bị ngập lụt.

(Chi tiết có Phục lục kèm theo)

3.2. Chỉ đạo thực hiện các biện pháp chằng chống đảm bảo an toàn đối với nhà cửa, công sở, kho tàng, trường học, bệnh viện, công trình cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng.

3.3. Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất: Thông thoáng dòng chảy, tiêu nước đê, thu hoạch sớm để hạn chế thiệt hại...

3.4. Tăng cường kiểm tra phát hiện xử lý kịp thời các sự cố công trình PCTT đê điều, hồ đập, giao thông, điện lực, viễn thông..., các công trình trọng điểm về kinh tế, an ninh quốc phòng.

3.5. Giám sát hướng dẫn, chủ động thực hiện biện pháp hạn chế hoặc cấm người, phương tiện vào khu vực nguy hiểm trên sông, bến đò, khu vực ngập lụt, khu vực có sự cố công trình, có nguy cơ sạt lở đất đá.

3.6. Bảo đảm giao thông, thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo chỉ huy PCTT.

3.7. Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc men, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại các khu vực bị chia cắt, khu vực bị ngập lụt, địa điểm sơ tán.

3.8. Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài sản nhà nước, nhân dân vùng xảy ra thiên tai.

3.9. Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo khẩn cấp về huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, thiết bị, nhu yếu phẩm để ứng phó thiên tai.

3.10. Đối với bão rất mạnh và siêu bão: Là tình huống thiên tai nguy hiểm, diễn biến nhanh có thể xảy ra thảm họa, thiệt hại rất lớn về tài sản, con người vì vậy bên cạnh các biện pháp ứng phó trên cần tập trung chỉ đạo quyết liệt theo từng giai đoạn của bão cụ thể như sau:

3.10.1. Khi bão rất mạnh, siêu bão, gần trên biển Đông:

- Tăng cường thời lượng phát truyền tin về vị trí, hướng di chuyển, mức độ nguy hiểm cơn bão, hướng dẫn cho nhân dân cách ứng phó với siêu bão.

- Xác định vùng nguy hiểm: Tiến hành kiểm đếm cảnh báo cho tàu thuyền trên biển, trên sông di chuyển ra khỏi vùng nguy hiểm vào nơi trú tránh an toàn.

- Rà soát kiểm tra, đôn đốc các phương án ứng phó bão mạnh, siêu bão theo phương châm 4 tại chỗ, chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện, hậu cần để sẵn sàng ứng phó khi có lệnh.

3.10.2. Khi bão rất mạnh, siêu bão, phát tin gần bờ và khẩn cấp dự báo đổ bộ vào Thanh Hóa đến Nam Định:

- Đôn đốc hoàn thành việc chặt tỉa cành cây, chằng chống nhà cửa, công trình yếu có nguy cơ đổ sập.

- Chỉ đạo hoàn thành việc sơ tán dân vùng ven sông, sơ tán dân các nhà có nguy cơ đổ sập mất an toàn, vùng có nguy cơ ngập lụt, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất đá đến các nhà công trình kiên cố, nhà ở nơi cao. (Lưu ý việc sơ tán dân phải hoàn thành trước khi bão đổ bộ).

- Cảnh báo cho dân cư sống ngoại ô, ven núi, ven dòng chảy, vùng trũng thấp nội đồng sẵn sàng sơ tán kịp thời trước khi bị ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ gây ra để đảm bảo an toàn.

- Triển khai các biện pháp bảo vệ công trình đê điều, hồ, đập..., xả bớt nước ở các hồ chứa, tiêu thoát nước đê trong đồng để chống úng bảo vệ sản xuất.

- Quyết định cho học sinh nghỉ học để tránh bão.

- Đôn đốc sẵn sàng các lực lượng, phương tiện để ứng cứu khi có lệnh.

3.10.3. Khi bão rất mạnh, siêu bão đổ bộ vào đất liền địa bàn Thanh Hóa:

- Đảm bảo an ninh trật tự, lương thực, thực phẩm, thuốc men tại các địa điểm sơ tán dân.

- Phân công bố trí thường trực lực lượng, phương tiện tại các trọng điểm xung yếu để sẵn sàng cứu hộ công trình đê điều, hồ, đập...(chú ý tập trung tại nơi phải chắc chắn đảm bảo an toàn cho lực lượng phương tiện khi có siêu bão đổ bộ).

- Kiểm tra hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống máy liên lạc thu phát sóng ngắn đảm bảo liên lạc thông suốt cho công tác chỉ huy, chỉ đạo ứng phó.

- Bố trí lực lượng điều tiết giao thông trên quốc lộ 1A, đường quốc lộ, đường nội tỉnh, dùng phương tiện khi bão bắt đầu đổ bộ vào khu vực (trừ phương tiện đang thực hiện nhiệm vụ PCTT).

- Tổ chức tìm kiếm cứu nạn khi có yêu cầu.

3.10.4. Công tác ứng phó mưa lớn, lũ, ngập lụt sau bão:

- Bố trí lực lượng kiểm tra chốt chặn hướng dẫn giao thông tại các khu vực ngập lụt, bến đò...

- Triển khai các biện pháp để tiêu thoát chống ngập úng cho khu dân cư, tiêu úng bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục cảnh báo kịp thời cho dân cư sống ven sông, suối, ven núi, vùng trũng thấp có nguy cơ ngập lụt, sạt lở sơ tán kịp thời đảm bảo an toàn.

- Triển khai phương án phòng chống lũ theo cấp báo động, phân công thường trực lực lượng, phương tiện, vật tư tại các trọng điểm xung yếu để sẵn

sàng cứu hộ công trình đê điều, hồ, đập...

- Tổ chức điều động tìm kiếm, cứu nạn nếu có tình huống sự cố xảy ra.

4. Công tác khắc phục hậu quả do lụt bão, mưa lớn:

4.1. Tiếp tục các hoạt động tìm kiếm cứu nạn, khắc phục giải phóng giao thông do cây cối, cột điện đổ, tổ chức cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và các nhu yếu phẩm thiết yếu.

4.2. Thống kê đánh giá thiệt hại do mưa, bão, lũ gây ra, nhu cầu hỗ trợ và đề xuất phương án khắc phục hậu quả.

4.3. Hỗ trợ giống cây trồng... để khôi phục sản xuất.

4.4. Thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

4.5. Sửa chữa khắc phục các công trình bị hư hại: Giao thông, thủy lợi, đê điều, hồ đập, viễn thông, điện lực, trường học, trạm y tế, bệnh viện, các công trình hạ tầng, cơ sở sản xuất, nhà dân sinh...

II. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ TÌNH HUỐNG 2: Sự cố vỡ đê, hồ, đập.

1. Công tác truyền tin:

1.1. Triển khai tương tự như tình huống 1 trong đó chỉ đạo tập trung truyền tin về tình hình mưa lũ, mực nước sông Lèn, sông Hoạt, sông Tam Điệp, hồ Cánh Chim, các sự cố của đê điều, hồ đập và công tác ứng cứu, hộ đê, hồ đập, các diễn biến xấu của công trình và cảnh báo cho nhân dân nội đê vùng có nguy cơ vỡ đê, dân cư vùng hạ lưu hồ sẵn sàng sơ tán ra khỏi vùng có nguy cơ ngập lụt do vỡ đê, hồ đập.

1.2. Thực hiện truyền tin kịp thời, lệnh khẩn cấp sơ tán của Ban chỉ huy PCTT & TKCN của thị xã, phường, xã đến người dân khu vực phải sơ tán, phát liên tục 3 lần mỗi lần cách nhau 5 phút sau đó cứ 20 phút phát lại một lần đến khi sơ tán xong.

2. Công tác chỉ đạo, chỉ huy: Tương tự như tình huống 1:

2.1. Chủ tịch UBND thị xã là tổng chỉ huy trên địa bàn thị xã, Chủ tịch UBND xã, phường là tổng chỉ huy ứng phó trên địa bàn xã phường có trách nhiệm báo cáo và phối hợp chặt chẽ, tuân thủ sự chỉ đạo của Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp tỉnh, căn cứ vào tình hình công trình đê điều, hồ đập trên địa bàn quyết định và chỉ đạo khẩn cấp việc sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm khi có nguy cơ tràn vỡ đê, sự cố vỡ hồ đập, mọi khó khăn vượt quá khả năng của địa phương phải được báo cáo kiến nghị, đề xuất lên Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp trên để được hỗ trợ kịp thời.

2.2. Nhiệm vụ phối hợp chỉ đạo, chỉ huy ứng phó của các cơ quan ban ngành cấp thị xã: Theo trách nhiệm và địa bàn phân công, chỉ đạo thực hiện mệnh lệnh khẩn cấp của Chủ tịch UBND, Trưởng ban chỉ huy PCTT & TKCN thị xã kịp thời và hiệu quả nhất, khó khăn chậm trễ ở khâu nào phải thông tin, báo cáo kịp thời về văn phòng ban chỉ huy PCTT & TKCN thị xã.

3. Biện pháp ứng phó với sự cố vỡ đê, vỡ hồ đập:

Tương tự như tình huống 1, tập trung vào các việc như sau:

3.1. Chỉ đạo khẩn cấp việc sơ tán dân vùng ảnh hưởng của dòng chảy khi vỡ đê, hồ đập, vùng có nguy cơ bị ngập lụt do vỡ đê, hồ đập. Lưu ý việc di chuyển kho tàng, các chất độc hại, trang thiết bị phục vụ an ninh quốc phòng, các đối tượng dễ bị tổn thương.

- Hướng di chuyển: Lên núi, lên nhà tầng, các khu vực có địa hình cao, lên các trường học cấp 1, 2, 3 có nhà 2 tầng...

3.2. Chỉ đạo và tổ chức hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ cung cấp lương thực, thuốc men, nước uống, các nhu yếu phẩm khác ở các khu vực bị chia cắt, khu vực bị ngập lụt, ở các địa điểm nơi sơ tán.

3.3. Bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ tài sản nhà nước và nhân dân khu vực thiên tai.

3.4. Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định về huy động khẩn cấp lực lượng, vật tư, phương tiện, các nhu yếu phẩm thiết yếu để ứng phó thiên tai trên địa bàn theo các quyết định của cấp có thẩm quyền.

3.5. Tiếp nhận và phân phối hàng cứu trợ đến người dân khu vực bị ảnh hưởng vỡ đê, hồ đập, nơi sơ tán.

4. Công tác khắc phục hậu quả sau vỡ đê, hồ đập:

4.1. Tiếp tục các hoạt động tìm kiếm cứu nạn (người, tài sản), mở các cửa cống, tìm cách tiêu thoát nước về phía hạ lưu ra phía sông Hoạt, sông Cà khi lũ rút.

4.2. Tiếp tục cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh các nhu yếu phẩm thiết yếu, thuốc xử lý môi trường phòng chống dịch bệnh, nước rút đến đâu khẩn trương giải phóng giao thông, tu sửa khôi phục hoạt động điện, viễn thông.

4.3. Điều tra tổng hợp thống kê thiệt hại do vỡ đê gây ra:

Báo cáo đề xuất với Tỉnh, với TW phương án khắc phục hậu quả.

4.4. Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, để phục hồi sản xuất, tổng vệ sinh môi trường phòng chống dịch bệnh, sửa chữa hàn khẩu lại công trình đê điều, hồ đập bị vỡ, các công trình dân sinh kinh tế, trường học, trạm xá bệnh viện, kho tàng, công sở, cơ sở kinh tế, nhà ở của người dân bị hư hại.

III. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ TÌNH HUỐNG 3: Hạn hán, xâm nhập mặn.

1. Công tác thông tin: Căn cứ vào tình hình hạn hán, xâm nhập mặn, dự báo của các cơ quan chuyên môn tiến hành thông tin đến nhân dân và các xã phường có diện tích bị hạn hán, xâm nhập mặn về biện pháp ứng phó để hạn chế thiệt hại (các xã sông Hoạt, các xã miền núi).

2. Công tác chỉ đạo, chỉ huy ứng phó:

Các cơ quan chuyên môn: Phòng Kinh tế, Chi nhánh Thủy lợi, tham mưu cho Chủ tịch UBND thị xã chỉ đạo Chủ tịch UBND các xã, phường vùng hạn hán xâm nhập mặn các biện pháp cụ thể để chỉ đạo ứng phó đến người dân.

3. Biện pháp cơ bản ứng phó hạn hán xâm nhập mặn:

3.1. Biện pháp phi công trình: Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo tình huống tình hình diễn biến hạn hán xâm nhập mặn.

- Vận hành hợp lý hồ chứa, tiết kiệm nước chống thất thoát.
- Ưu tiên điện để tưới tiêu phục vụ sản xuất.
- Theo dõi quan trắc độ mặn để điều hành đóng mở trạm bơm công lấy nước ngọt, ngăn mặn phù hợp với các tình huống cụ thể.

3.2. Biện pháp công trình:

- Dành kinh phí đầu tư làm mới, tu sửa kênh mương, trạm bơm, hồ đập để đảm bảo phục vụ sản xuất.
- Đề nghị nhà nước có kinh phí làm đập ngăn mặn trên sông Lèn, sông Càn.

Phần thứ tư

PHƯƠNG ÁN CHUẨN BỊ VẬT TƯ PHƯƠNG TIỆN, TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG

Với các tình huống thiên tai, hạn chế thấp nhất các thiệt hại do thiên tai gây ra, các loại vật tư, phương tiện, lực lượng, phải được chuẩn bị đầy đủ đảm bảo số lượng, chủng loại phục vụ PCTT & TKCN trên địa bàn như sau:

I. VẬT TƯ DỰ PHÒNG HỘ ĐÊ: 11 loại bao gồm vật tư cũ còn sử dụng được và vật tư dự phòng bổ xung được UBND Tỉnh và thị xã giao, quy cách, số lượng có phụ lục C1 kèm theo.

II. KẾ HOẠCH VỀ PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ, DỤNG CỤ, NHIÊN LIỆU PHỤC VỤ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI & TKCN: Theo phụ lục C2a, C2b (Bao gồm các xã phường, các cơ quan trường học, doanh nghiệp...).

III. KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG NHÂN LỰC LÀM NHIỆM VỤ PCTT & TKCN: (Có Phụ lục 03 kèm theo).

IV. BỘ MÁY CHỈ HUY, LỰC LƯỢNG CANH ĐÊ, XUNG KÍCH:

1. Bộ máy chỉ huy:

- BCH PCTT & TKCN Thị xã do Chủ tịch UBND Thị xã thành lập, phân giao nhiệm vụ (theo Điều 21 Nghị định 66 của Chính phủ hướng dẫn thi hành luật PCTT).

- BCH PCTT & TKCN xã phường do Chủ tịch UBND xã, phường thành lập, thành phần nhiệm vụ (theo Điều 21 Nghị định 66 của Chính phủ hướng dẫn thi hành luật PCTT).

2. Lực lượng canh đê:

- Lực lượng tuần tra canh gác đê, hồ đập do Chủ tịch UBND các xã, phường, có đê hồ đập thành lập theo phương án Thị xã giao, từng cấp đê, mỗi

Km đê từ 6÷12 người là những người trong độ tuổi lao động có tinh thần trách nhiệm được tập huấn kỹ thuật hộ đê, có nhà ở ven các tuyến đê, hồ, đập, đội canh đê có trụ sở là nhà dân ven đê được giao tuần tra canh gác cụ thể từng tuyến đê, có danh sách con người cụ thể và do đồng chí trưởng công an xã phường chỉ huy

Ghi chú: Yêu cầu của đội tuần tra canh gác là phát hiện kịp thời sự cố xảy ra, xử lý ngay từ giờ đầu và báo cáo ngay cho Ban chỉ huy PCTT& TKCN thị xã biết để xử lý.

- *Chế độ tuần tra canh gác:*

+ Báo động lũ ở cấp I: Bố trí ban ngày 02 người, ban đêm 04 người; ban ngày ít nhất sau 04 giờ có 01 kíp đi tuần, mỗi kíp có 01 người; ban đêm ít nhất sau 4 giờ có 01 kíp đi tuần, mỗi kíp 02 người. Lướt đi kiểm tra mặt đê, mái đê phía sông, khu vực hành lang bảo vệ đê phía sông; lướt về kiểm tra mái đê phía đồng, khu vực hành lang bảo vệ đê phía đồng, cống qua đê, mặt ruộng, hồ ao gần chân đê phía đồng;

+ Báo động lũ ở cấp II: Bố trí ban ngày 04 người, ban đêm 06 người; ban ngày ít nhất sau 02 giờ có 01 kíp đi tuần, mỗi kíp có 02 người; ban đêm ít nhất sau 02 giờ có 01 kíp đi tuần, mỗi kíp 03 người. Lướt đi 01 người kiểm tra mặt đê, mái đê phía sông, khu vực hành lang bảo vệ đê phía sông, thượng lưu cống qua đê; 01 người (ban ngày), 02 người (ban đêm) kiểm tra mái đê phía đồng, khu vực hành lang bảo vệ đê phía đồng, hạ lưu cống qua đê, mặt ruộng, hồ ao gần chân đê phía đồng. Lướt về 01 người kiểm tra mái đê phía đồng, khu vực hành lang bảo vệ đê phía đồng, hạ lưu cống qua đê, mặt ruộng, hồ ao gần chân đê phía đồng; 01 người (ban ngày), 02 người (ban đêm) kiểm tra mặt đê, mái đê phía sông, khu vực hành lang bảo vệ đê phía sông, thượng lưu cống qua đê;

+ Báo động lũ ở cấp II và có tin bão khẩn cấp đổ bộ vào khu vực hoặc báo động lũ ở cấp III trở lên: Bố trí ngày 06 người, đêm 12 người, chia thành các kíp, mỗi kíp 03 người, không phân biệt ngày đêm, các kíp phải liên tục thay phiên nhau kiểm tra. Lướt đi 02 người kiểm tra mái đê, khu vực hành lang bảo vệ đê phía đồng, hạ lưu cống qua đê, mặt ruộng, ao hồ gần chân đê phía đồng; 01 người kiểm tra mặt đê. Lướt về 02 người kiểm tra phía đồng; 01 người kiểm tra mặt đê, mái đê, thượng lưu các cống qua đê và khu vực hành lang bảo vệ đê phía sông;

+ Mỗi kíp đi tuần tra phải kiểm tra vượt quá phạm vi phụ trách về 2 phía, mỗi phía 50m. Đối với những khu vực đó từng xảy ra sự cố hư hỏng, phải kiểm tra quan sát rộng hơn để phát hiện sự cố;

+ Người tuần tra canh gác phải phát hiện kịp thời những hư hỏng của đê;

+ Khi phát hiện có hư hỏng, người tuần tra phải tiến hành các công việc như sau:

Xác định loại hư hỏng, vị trí, đặc điểm, kích thước của loại hư hỏng;

Xác định mực nước sông so với mặt đê tại vị trí phát sinh hư hỏng;

Đánh dấu bằng cách ghi bảng, cắm tiêu báo hiệu vị trí hư hỏng; nếu sự cố nghiêm trọng, phải cấm người, vật, xe cơ giới đi qua và bố trí người canh gác tại chỗ để theo dõi thường xuyên diễn biến của hư hỏng;

Báo cáo kịp thời và cụ thể tình hình hư hỏng cho đội trưởng hoặc đội phó, cán bộ chuyên trách quản lý đề điều và ban chỉ huy phòng chống thiên tai xã và trọng điểm.

3. Lực lượng xung kích hộ đê:

Lực lượng này là những người trong độ tuổi lao động có sức khỏe và tinh thần trách nhiệm được tập huấn kỹ thuật hộ đê.

- Lực lượng xung kích: Là lực lượng đông đảo của các xã, phường, được huy động để xử lý các sự cố mất an toàn của công trình đê điều, hồ đập, công trình giao thông thủy lợi, xử lý ứng phó các tình huống thảm họa thiên tai, môi trường xảy ra. Lực lượng này do xã, phường thành lập theo phương án của thị xã, có danh sách con người cụ thể, biên chế theo từng tổ đội ở các thôn xóm và do đồng chí xã đội trưởng phụ trách. Mỗi xã, phường biên chế số lượng 150 người ÷ 200 người.

V. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM:

1. Đảm bảo về thông tin: Bên cạnh lực lượng giao thông hỏa tốc

Mỗi xã ít nhất 1 điện thoại đặt tại trụ sở Ban chỉ huy PCTT&TKCN của xã (phường) để khi có sự cố liên lạc về Ban chỉ huy PCTT&TKCN Thị xã.

*** Số máy điện thoại của các xã (phường) và Văn phòng ban chỉ huy PCTT&TKCN Thị xã:**

- Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN Thị xã:
02373.824.207 ; 02373.824.939

- | | |
|--------------------|-----------------|
| - Xã Quang Trung | : 02373.778906 |
| - Xã Hà Lan | : 02373.760571 |
| - Phường Ba Đình | : 02373.824.369 |
| - Phường Đông Sơn | : 02373.760.769 |
| - Phường Bắc Sơn | : 02373.770494 |
| - Phường Lam Sơn | : 02373.760.191 |
| - Phường Ngọc Trạo | : 02373.772.379 |
| - Phường Phú Sơn | : 02373.770287 |

2. Đảm bảo về ánh sáng:

Mỗi xã, phường phải có đèn đuốc phục vụ làm nhiệm vụ vào ban đêm và một máy phát điện nhỏ để dự trữ, kèm theo bóng và dây điện.

3. Đảm bảo về sức khỏe: Trung tâm y tế, Bệnh viện Đa khoa thị xã chuẩn bị cơ sở thuốc dự phòng, cứu chữa cho 3000 người, Trạm y tế xã, phường chuẩn bị cơ sở thuốc phòng cứu chữa cho 200 người. Ngoài ra còn chuẩn bị xe, băng cáng và lực lượng 10 người để cứu tải thương.

4. Đảm bảo về an ninh:

Mỗi xã, phường phải có phương án bảo vệ an ninh trong khu vực tuyến đê khi có sự cố xảy ra cũng như các địa bàn trọng điểm khi thiên tai xảy ra.

5. Đảm bảo về hậu cần:

UBND xã (phường) chịu trách nhiệm lên phương án cụ thể cho lực lượng đi làm nhiệm vụ của địa phương mình trong thời gian làm nhiệm vụ tại nơi xảy ra sự cố để cứu trợ cho dân khi cần thiết.

Theo phương châm sau:

- Các hộ dân trong vùng thiên tai chuẩn bị yếu phẩm thiết yếu dự phòng sử dụng cho 5 ngày.

- Các cấp xã phường, thị trấn, cấp thị xã chuẩn bị nhu yếu phẩm thiết yếu dự phòng sử dụng cho 3 ngày.

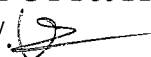
Phần thứ 5

TRIỂN KHAI VÀ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

1. Ban chỉ huy PCTT và TKCN thị xã và các xã, phường thành lập xong trước ngày 10/05/2019, sau khi thành lập xong phải họp phân công nhiệm vụ và kiểm tra phương án tuyến, kiểm tra công trình thuộc địa phận xã phụ trách. Khi phát hiện những hư hỏng địa phương phải xử lý ngay nếu quá khả năng phải có văn bản báo cáo lên cấp trên để xử lý trước khi mưa lũ xảy ra.

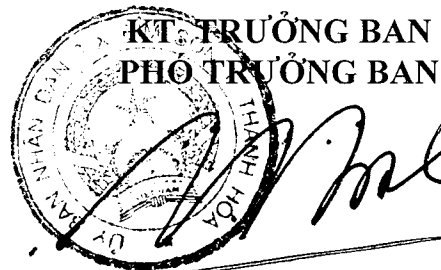
2. Phương án PCTT và TKCN của các xã, phường xây dựng xong trước ngày 15/5/2019 để khi thành lập xong Ban chỉ huy PCTT&TKCN là thông qua được phương án, khi phương án thông qua, các loại vật tư được chuẩn bị tập kết đúng, đủ số lượng, khối lượng, chất lượng, kích thước như phương án đã nêu.

3. Lực lượng tuần tra canh gác và lực lượng xung kích của các xã, phường được Hạt Quản lý Đê điều và Ban chỉ huy PCTT&TKCN thị xã tập huấn kỹ thuật nghiệp vụ xong trước ngày 30/5/2019.

4. Tất cả các công việc từ tổ chức đến tập huấn và chuẩn bị vật tư phải xong trong tháng 6/2019, và sau mỗi trận lũ Ban chỉ huy PCTT&TKCN thị xã, các xã, phường phải họp rút kinh nghiệm để chuẩn bị cho trận lũ sau, trong mùa lụt bão UBND, Ban chỉ huy PCTT&TKCN thị xã, các xã, phường tổ chức văn phòng thường trực 24/24 giờ. 

Nơi nhận:

- Ban CH PCTT tỉnh (b/c);
- TT. Thị ủy, HĐND Thị xã (b/c);
- CT UBNDTX (B/c);
- Các thành viên BCH thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Lưu VT, BCH.



PHÓ CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ
Tông Thanh Bình

**Phụ lục 01: THỐNG KÊ DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC NGUY HIỂM VÀ VEN SÔNG CẦN PHẢI SƠ TÁN
KHI CÓ BÃO, TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BỈM SƠN**

(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày tháng 5 năm 2019 của UBND thị xã)

| TT | Thôn, xã | Cần phải sơ tán khi có bão mạnh khi có bão rất mạnh | | | | | | | | Cần phải sơ tán khi có siêu bão | | | | Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung) |
|------------|------------------------|--|---------|------------------|---------|----------------|------------|------------------|---------|---------------------------------|---------|------------------|-------------|--|
| | | Sơ tán tại chỗ | | Sơ tán tập trung | | Sơ tán tại chỗ | | Sơ tán tập trung | | Sơ tán tại chỗ | | Sơ tán tập trung | | |
| | | Số hộ | Số khẩu | Số hộ | Số khẩu | Số hộ | Số khẩu | Số hộ | Số khẩu | Số hộ | Số khẩu | Số hộ | Số khẩu | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| | Tổng | | | | | 93 | 259 | | | | | 281 | 1071 | |
| I | Xã Quang Trung | | | | | 15 | 37 | | | | | 92 | 465 | Trường mầm non, nhà VH thôn, Trụ sở UBND xã |
| 1 | Thôn 1 | | | | | 15 | 37 | | | | | 92 | 465 | |
| II | Xã Hà Lan | | | | | 14 | 37 | | | | | 50 | 172 | Trường học, Trạm xá, nhà VH các thôn |
| 1 | Thôn Xuân Nội | | | | | 9 | 26 | | | | | 24 | 83 | |
| 2 | Thôn Đoài Thôn | | | | | 5 | 11 | | | | | 26 | 89 | |
| III | Phường Phú Sơn | | | | | 19 | 42 | | | | | 71 | 205 | Nhà VH KP3, Trạm xá, Trụ sở UBND phường |
| 1 | Khu phố 3 | | | | | 19 | 42 | | | | | 71 | 205 | |
| IV | Phường Đông Sơn | | | | | 19 | 64 | | | | | 28 | 98 | Nhà VH, Trạm xá, Trụ sở UBND phường |
| 1 | Xóm Sơn Tây | | | | | 7 | 25 | | | | | 11 | 29 | |
| 2 | Khu phố Đông Thôn | | | | | 12 | 39 | | | | | 17 | 69 | |

**PHỤ LỤC 03: THỐNG KÊ DÂN CƯ SINH SỐNG Ở BÃI SÔNG TRÊN CÁC TUYẾN SÔNG CÓ ĐÊ TỪ CẤP IV, CẤP V
CẦN PHẢI SƠ TÁN KHI CÓ LŨ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BỈM SƠN**

(Kèm theo Phương án số 785/PA-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2019 của UBND thị xã)

| TT | Thôn, xã | Triền sông | Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI | | | | Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐII - BĐIII | | | | Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐII-BĐIII | | | | Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII | | | | Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung) |
|----|---|------------|---|---------|------------------|---------|--|---------|------------------|---------|--|---------|------------------|---------|--|---------|------------------|---------|--|
| | | | Sơ tán tại chỗ | | Sơ tán tập trung | | Sơ tán tại chỗ | | Sơ tán tập trung | | Sơ tán tại chỗ | | Sơ tán tập trung | | Sơ tán tại chỗ | | Sơ tán tập trung | | |
| | | | Số hộ | Số khẩu | Số hộ | Số khẩu | Số hộ | Số khẩu | Số hộ | Số khẩu | Số hộ | Số khẩu | Số hộ | Số khẩu | Số hộ | Số khẩu | Số hộ | Số khẩu | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| | Cộng tổng | | | | | | | | | | 37 | 129 | | | | | 368 | 1,439 | |
| 1 | Xã Quang Trung Thôn 1. | S.Hoạt | | | | | | | | | 0 | 0 | | | | | 122 | 500 | Nhà VH các thôn, khu phố, Trạm xá, Trụ sở UBND phường, |
| 2 | Xã Hà Lan Thôn Liên Giang, Xuân Nội. | S.Hoạt | | | | | | | | | 8 | 20 | | | | | | | |
| 3 | Phường Lam Sơn: Thôn Nghĩa Môn, Cổ Đàm, Khu phố 2 | S.Hoạt | | | | | | | | | 0 | 0 | | | | | 38 | 160 | |
| 4 | Phường Phú Sơn Khu phố 3, khu trang trại tổng hợp | S.Hoạt | | | | | | | | | 7 | 24 | | | | | 90 | 320 | |
| 5 | Xã Hà Lan Thôn Đoàn thôn | S.Tam Điệp | | | | | | | | | 22 | 85 | | | | | 27 | 105 | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|------------|--|--|--|--|--|--|--|---|---|--|--|--|--|----|-----|----------------|--|
| 6 | Phường Đông Sơn Xóm Sơn Tây, Đông Thôn, Trung Sơn, Khu phố 3, khu phố 5 | S.Tam Điệp | | | | | | | | 0 | 0 | | | | | 4 | 13 | Trường mầm non | |
| 7 | Phường Ngọc Trạo Khu phố 3, 14 | S.Tam Điệp | | | | | | | | 0 | 0 | | | | | 25 | 96 | | |
| 8 | Phường Bắc Sơn Khu phố 6, 8, 10 | S.Tam Điệp | | | | | | | | 0 | 0 | | | | | 35 | 150 | | |
| 9 | Phường Lam Sơn Cổ Đam, Nghĩa môn, Khu phố 2 | S.Tam Điệp | | | | | | | | | | | | | | 27 | 95 | | |

Phụ lục C2a: KẾ HOẠCH LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ THAM GIA PCTT NĂM 2019
(Kèm theo Phương án số /PA-BCH ngày tháng 5 năm 2019)



| T T | Tên cơ quan, đơn vị | Lực lượng | Phương tiện | | | | | | | | | | | |
|--------|------------------------------|--------------|-------------|-------|------------|--------------|------------|-----------|------------|---------------|------------------|------------|---------|----|
| | | | Xe con | Xe ca | Tải ben | Tải thùng | Máy xúc | Máy ủi | Máy bơm | Xuôn g máy | Xe cứu hỏa | Nhà bạt | Áo phao | |
| 1 | Lữ đoàn 368/Quân đoàn 1 | 50 | 01 | 01 | | | | | | | | 01 | 50 | |
| 2 | Trung đoàn 64/f 390/QĐ1 | 15 | | | | | | | | | | 01 | 15 | |
| 3 | CT CP xi măng Bim Sơn | 50 | | 02 | 03 | | | 01 | 02 | 02 | | | | |
| 4 | Công ty CP LILAMA 5 | 10 | 01 | | 01 | 01 | | | | | | | | |
| 5 | Công ty CP VIGLACERA | 25 | | | | | | 04 | 01 | 02 | | | | |
| 6 | Công ty CP VLXD | 25 | | | 02 | 01 | | 01 | 01 | | | | | |
| 7 | CTCP SX & TM Lam Sơn | 25 | | | 02 | | | 01 | 01 | 02 | | | | |
| 8 | Trường Cao đẳng TN&MT | 20 | 01 | 01 | | | | | | | | | | |
| 9 | CTCP Vicem Bao bì | 25 | | | | 02 | | | | 02 | | | | |
| 10 | Nhà máy ô tô VEAM | 25 | 01 | 01 | | | | | | | | | | |
| 11 | CTCP MT&CTĐT | 25 | | | 02 | 01 | | 02 | | 02 | | | | |
| 12 | Công an thị xã | 15 | 01 | | | | | | | | | 01 | | |
| 13 | Ban CHQS thị xã | 15 | 01 | | | | | | | | | 02 | | |
| 14 | Bệnh viện Đa khoa thị xã | 10 | | | | | | | | | | | | |
| 15 | Phòng cảnh sát PC&CC số 3 | 15 | 01 | | | | | | | | 01 | 02 | 02 | 40 |
| 16 | Ban chỉ huy PCTT&TKCN thị xã | 20 | 02 | | | | | | | | | 07 | 200 | |
| 17 | Trung tâm y tế dự phòng | 10 | 01 | | | | | | | | | | | |
| 18 | Xã Quang Trung | 25 | | | | | | | | | | | | |
| 19 | Xã Hà Lan | 25 | | | | | | | | | | | | |
| 20 | Phường Ba Đình | 25 | | | | | | | | | | | | |
| 21 | Phường Lam Sơn | 25 | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | |
|----|------------------|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|------------|
| 22 | Phường Ngọc Trạo | 25 | | | | | | | | | | | |
| 23 | Phường Đông Sơn | 25 | | | | | | | | | | | |
| 24 | Phường Bắc Sơn | 25 | | | | | | | | | | | |
| 25 | Phường Phú Sơn | 25 | | | | | | | | | | | |
| | Cộng | 580 | 10 | 05 | 10 | 05 | 10 | 05 | 10 | 01 | 02 | 12 | 265 |

Phục lục 03. PHÂN BỐ LỰC LƯỢNG HỘ ĐÊ NĂM 2019
 (Kèm theo Phương án số / PA-BCH ngày tháng 5 năm 2019)



| STT | Lực lượng | Quang Trung | Hà Lan | Phù Sơn | Ba Đình | Ngọc Trạo | Bắc Sơn | Lam Sơn | Đông Sơn | Tổng |
|-----|----------------|-------------|--------|---------|---------|-----------|---------|---------|----------|------|
| 1 | Canh đê | 40 | 40 | 38 | | | | | | 118 |
| 2 | Xung kích | 100 | 100 | 100 | 50 | 50 | 50 | 50 | 50 | 550 |
| 3 | G-T hỏa tốc | 10 | 10 | 10 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 40 |
| 4 | Cứu tải thương | 10 | 10 | | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 40 |
| 5 | Sơ tán dân | 15 | 15 | 15 | 10 | 10 | 10 | 15 | 15 | 105 |
| 6 | Trật tự | 7 | 7 | 6 | 5 | 5 | 10 | 5 | 7 | 52 |
| 7 | Dự bị | 170 | 160 | 170 | 100 | 100 | 100 | 75 | 75 | 950 |